

DA.40000 THÍ NGHIỆM KÉO CÁP DỰ ỨNG LỰC

Thành phần công việc:

- Nhận nhiệm vụ;
- Chuẩn bị mẫu, dụng cụ và thiết bị thí nghiệm trước khi tiến hành thí nghiệm;
- Tiến hành thí nghiệm theo quy trình;
- Tính toán, tổng hợp kết quả thí nghiệm;
- Thu dọn, lau chùi máy và thiết bị thí nghiệm;
- Kiểm tra, nghiệm thu và bàn giao kết quả thí nghiệm.

Đơn vị tính: 1 chỉ tiêu

Mã hiệu	Công tác thí nghiệm	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
DA.400	Thí nghiệm kéo cáp dự ứng lực	<i>Vật liệu</i>		
		Điện năng	kwh	50,0
		Dầu AK15	lít	0,1
		Vật liệu khác	%	5
		<i>Nhân công</i>		
		Kỹ sư 3,0/8	công	1,0
		Công nhân 4,0/7	công	1,5
		<i>Máy và thiết bị thí nghiệm</i>		
		Máy kéo, nén thủy lực 125 tấn	ca	0,55
		Máy và thiết bị thí nghiệm khác	%	5
				01

DA.41000 THÍ NGHIỆM PHÁ HỦY BU LÔNG

Thành phần công việc:

- Nhận nhiệm vụ;
- Chuẩn bị mẫu, dụng cụ và thiết bị thí nghiệm trước khi tiến hành thí nghiệm;
- Tiến hành thí nghiệm theo quy trình;
- Tính toán, tổng hợp kết quả thí nghiệm;
- Thu dọn, lau chùi máy và thiết bị thí nghiệm;
- Kiểm tra, nghiệm thu và bàn giao kết quả thí nghiệm.

Đơn vị tính: 1 chỉ tiêu

Mã hiệu	Công tác thí nghiệm	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
DA.410	Thí nghiệm phá hủy bu lông	<i>Vật liệu</i>		
		Điện năng	kwh	1,54
		Dầu thủy lực	lít	0,03
		Vật liệu khác	%	5
		<i>Nhân công</i>		
		Công nhân 4,0/7	công	0,219
		<i>Máy và thiết bị thí nghiệm</i>		
		Máy kéo, nén thủy lực 100 tấn	ca	0,088
		Máy và thiết bị thí nghiệm khác	%	5
				01

DA.42000 THÍ NGHIỆM NHỎ BU LÔNG TẠI HIỆN TRƯỜNG

Thành phần công việc:

- Nhận nhiệm vụ;
- Chuẩn bị mẫu, dụng cụ và thiết bị thí nghiệm trước khi tiến hành thí nghiệm;
- Tiến hành thí nghiệm theo quy trình;
- Tính toán, tổng hợp kết quả thí nghiệm;
- Thu dọn, lau chùi máy và thiết bị thí nghiệm;
- Kiểm tra, nghiệm thu và bàn giao kết quả thí nghiệm.

Đơn vị tính: 1 chỉ tiêu

Mã hiệu	Công tác thí nghiệm	Thành phần hao phí	Đơn vị	Số lượng
DA.420	Thí nghiệm nhỏ bu lông tại hiện trường	<i>Vật liệu</i>		
		Điện năng	kwh	0,7
		Dầu thủy lực	lít	0,3
		Vật liệu khác	%	5
		<i>Nhân công</i>		
		Công nhân 4,0/7	công	1,75
		<i>Máy và thiết bị thí nghiệm</i>		
		Máy khoan cầm tay	ca	0,375
		Máy kéo, thủy lực 50 tấn	ca	0,375
		Máy và thiết bị thí nghiệm khác	%	5
				01

DA.43000 THÍ NGHIỆM CỬA SỔ VÀ CỬA ĐI BẰNG GỖ, BẰNG KIM LOẠI, BẰNG NHỰA

Thành phần công việc:

- Nhận nhiệm vụ;
- Chuẩn bị mẫu, dụng cụ và thiết bị thí nghiệm trước khi tiến hành thí nghiệm;
- Tiến hành thí nghiệm theo quy trình;
- Tính toán, tổng hợp kết quả thí nghiệm;
- Thu dọn, lau chùi máy và thiết bị thí nghiệm;
- Kiểm tra, nghiệm thu và bàn giao kết quả thí nghiệm.

Đơn vị tính: 1 chỉ tiêu

Mã hiệu	Công tác thí nghiệm	Thành phần hao phí	Đơn vị	Độ lọt khí	Độ kín nước	Độ bền áp lực gió	Cơ lý	Giá hóa nhiệt
DA.430	Thí nghiệm cửa sổ và cửa đi bằng gỗ; bằng kim loại; bằng nhựa	<i>Vật liệu</i>						
		Điện năng	kwh	0,375	1,00	0,38	3,00	36,80
		Keo dán tổng hợp	hộp	1,0	1,0	-	4,0	-
		Giấy ráp	tờ	3,0	1,0	-	-	-
		Lưỡi dao cạo	cái	1,0	-	-	-	-
		Dầu diesel	lít	1,0	-	-	-	-
		Nước	lít	-	20,0	-	-	-
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5	5
		<i>Nhân công</i>						
		Công nhân 4,0/7	công	0,50	0,50	0,26	1,0	1,0
		<i>Máy và thiết bị thí nghiệm</i>						
		Tủ sấy	ca	-	-	-	-	3,0
		Lò nung	ca	-	-	-	0,125	1,0
		Dụng cụ đo độ bền va đập	ca	-	-	0,125	-	-
		Máy bơm nước 2,8kW	ca	-	0,125	-	-	-
		Máy nén khí	ca	0,125	-	0,125	-	-
		Máy cưa gỗ	ca	-	-	-	0,25	-
		Máy bào gỗ	ca	-	-	-	0,125	-
		Máy và thiết bị thí nghiệm khác	%	5	5	5	5	5
				01	02	03	04	05

DA.44000 THÍ NGHIỆM ỐNG VÀ PHỤ TÙNG BẰNG GANG

Thành phần công việc:

- Nhận nhiệm vụ;
- Chuẩn bị mẫu, dụng cụ và thiết bị thí nghiệm trước khi tiến hành thí nghiệm;
- Tiến hành thí nghiệm theo quy trình;
- Tính toán, tổng hợp kết quả thí nghiệm;
- Thu dọn, lau chùi máy và thiết bị thí nghiệm;
- Kiểm tra, nghiệm thu và bàn giao kết quả thí nghiệm.

Đơn vị tính: 1 chỉ tiêu

Mã hiệu	Công tác thí nghiệm	Thành phần hao phí	Đơn vị	Sức bền nén, nén dẹt ống	Độ đồng nhất vật liệu đúc	Độ cứng	Kích thước tương quan hình học
DA.440	Thí nghiệm ống và phụ tùng bằng gang	<i>Vật liệu</i>					
		Điện năng	kwh	22,85	4,00	0,75	-
		Lưỡi cưa máy	cái	1,0	-	-	-
		Dao tiện	con	3,0	-	-	-
		Dao bào	con	3,0	-	-	-
		Đá mài	viên	2,0	-	-	-
		Đá cắt	viên	2,0	-	-	-
		Phốt đánh bóng	viên	2,0	-	-	-
		Vật liệu khác	%	2	2	2	-
		<i>Nhân công</i>					
		Công nhân 4,0/7	công	1,0	0,5	0,5	0,125
		<i>Máy và thiết bị thí nghiệm</i>					
		Máy kéo, nén thủy lực 100 tấn	ca	0,5	-	-	-
		Máy soi kim tương	ca	-	0,25	-	-
		Máy cưa thép	ca	0,25	-	-	-
		Máy cắt Makita	ca	-	0,25	-	-
		Máy dò khuyết tật	ca	-	0,5	-	-
		Máy kiểm tra độ cứng	ca	-	-	0,125	-
		Máy tiện	ca	0,5	-	-	-
		Máy bào thép 7,5kW	ca	0,5	-	-	-
		Máy và thiết bị thí nghiệm khác	%	5	5	5	-
				01	02	03	04

DA.45000 THÍ NGHIỆM VẢI ĐỊA KỸ THUẬT

Thành phần công việc:

- Nhận nhiệm vụ;
- Chuẩn bị mẫu, dụng cụ và thiết bị thí nghiệm trước khi tiến hành thí nghiệm;
- Tiến hành thí nghiệm theo quy trình;
- Tính toán, tổng hợp kết quả thí nghiệm;
- Thu dọn, lau chùi máy và thiết bị thí nghiệm;
- Kiểm tra, nghiệm thu và bàn giao kết quả thí nghiệm.

Đơn vị tính: 1 chỉ tiêu

Mã hiệu	Công tác thí nghiệm	Thành phần hao phí	Đơn vị	Độ dày danh định	Khối lượng đơn vị thể tích	Cường độ chịu kéo	Cường độ kháng xuyên CBR	Độ dẫn nước
DA.450	Thí nghiệm vải địa kỹ thuật	<i>Vật liệu</i>						
		Điện năng	kwh	-	-	1,14	0,90	1,25
		Dầu thủy lực	lít	-	-	0,01	0,01	-
		Vật liệu khác	%	-	-	5	5	5
		<i>Nhân công</i>						
		Công nhân 4,0/7	công	0,31	0,187	0,625	0,625	1,88
		<i>Máy và thiết bị thí nghiệm</i>						
		Thiết bị đo độ dày	ca	0,115	-	-	-	-
		Cân kỹ thuật	ca	-	0,125	-	-	-
		Máy kéo, nén WDW-100	ca	-	-	0,375	0,313	-
		Thiết bị đo độ dẫn nước	ca	-	-	-	-	1,25
		Máy và thiết bị thí nghiệm khác	%	5	5	5	5	5
				01	02	03	04	05

Tiếp theo

Mã hiệu	Công tác thí nghiệm	Thành phần hao phí	Đơn vị	Lực xuyên thùng CBR	Lực kháng rơi côn	Độ thấm xuyên	Cường độ chịu kéo/nén và độ giãn dài	Độ xé rách hình thang	Kích thước lỗ
DA.450	Thí nghiệm vãi địa kỹ thuật	<i>Vật liệu</i>							
		Điện năng	kwh	1,23	9,00	0,80	9,20	9,20	11,67
		Hạt kích thước chuẩn	gam	-	-	-	-	-	50,0
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5	5	5
		<i>Nhân công</i>							
		Nhân công 4,0/7	công	2,0	1,5	4,0	3,1	3,0	2,0
		<i>Máy và thiết bị thí nghiệm</i>							
		Máy nén CBR	ca	0,3	-	-	-	-	-
		Máy thử độ rơi côn	ca	-	0,3	-	-	-	-
		Máy kéo, nén thủy lực 50 tấn	ca	-	-	-	0,3	0,3	-
		Máy thấm	ca	-	-	0,5	-	-	-
		Máy sàng	ca	-	-	-	-	-	0,3
		Cân kỹ thuật	ca	-	-	0,5	-	-	0,5
		Tủ sấy	ca	-	1,0	-	1,0	1,0	1,0
		Máy và thiết bị thí nghiệm khác	%	5	5	5	5	5	5
				06	07	08	09	10	11

Tiếp theo

Mã hiệu	Công tác thí nghiệm	Thành phần hao phí	Đơn vị	Bề dày	Trọng lượng	Độ kháng bức	Độ dẫn nước	Độ hư hỏng (chiếu UV)
DA.450	Thí nghiệm vải địa kỹ thuật	<i>Vật liệu</i>						
		Điện năng	kwh	8,16	8,16	9,16	0,64	1266,0
		Nước cất	lít	-	-	-	-	500,0
		Bóng tạo tia UV	cái	-	-	-	-	2,0
		Nước	m3	-	-	-	3,0	-
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5	1
		<i>Nhân công</i>						
		Nhân công 4,0/7	công	1,0	1,0	1,5	4,1	63,0
		<i>Máy và thiết bị thí nghiệm</i>						
		Máy thăm	ca	-	-	-	1,5	-
		Thiết bị đo độ dày	ca	0,3	-	-	-	-
		Máy thử độ bức	ca	-	-	0,2	-	-
		Cân kỹ thuật	ca	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5
		Thiết bị đo độ dẫn nước	ca	-	-	-	1,5	-
		Tủ sấy	ca	0,5	0,5	0,5	-	1,5
		Máy kéo vải địa kỹ thuật	ca	-	-	-	-	0,3
		Tủ chiếu UV	ca	-	-	-	-	62,5
		Máy bơm nước 2,8kW	ca	-	-	-	0,8	62,5
		Máy và thiết bị thí nghiệm khác	%	5	5	5	5	1
				12	13	14	15	16

DA.46000 THÍ NGHIỆM VẬT LIỆU NHÔM, HỢP KIM ĐỊNH HÌNH

Thành phần công việc:

- Nhận nhiệm vụ;
- Chuẩn bị mẫu, dụng cụ và thiết bị thí nghiệm trước khi tiến hành thí nghiệm;
- Tiến hành thí nghiệm theo quy trình;
- Tính toán, tổng hợp kết quả thí nghiệm;
- Thu dọn, lau chùi máy và thiết bị thí nghiệm;
- Kiểm tra, nghiệm thu và bàn giao kết quả thí nghiệm.

Đơn vị tính: 1 chỉ tiêu

Mã hiệu	Công tác thí nghiệm	Thành phần hao phí	Đơn vị	Thành phần hóa	Cơ tính	Độ cứng	Khả năng chịu uốn	Kích thước tương quan hình học
DA.460	Thí nghiệm vật liệu nhôm, hợp kim định hình	<i>Vật liệu</i>						
		Điện năng	kwh	4,00	1,50	0,75	1,50	-
		Keo dán silicon	hộp	-	-	-	1,0	-
		Đá cắt	viên	-	1,0	-	-	-
		Đĩa cắt kim loại	cái	-	1,0	-	-	-
		Giấy ráp	tờ	-	3,0	-	-	-
		Vật liệu khác	%	2	2	2	2	-
		<i>Nhân công</i>						
		Công nhân 4,0/7	công	0,5	1,0	0,25	0,5	0,25
		<i>Máy và thiết bị thí nghiệm</i>						
		Máy cắt Makita	ca	0,125	-	-	-	-
		Máy bào	ca	-	0,5	-	-	-
		Máy kéo, nén thủy lực 0,5 tấn	ca	-	0,125	-	-	-
		Máy kéo, nén thủy lực 10 tấn	ca	-	0,125	-	0,125	-
		Máy phân tích thành phần kim loại	ca	0,25	-	-	-	-
		Máy kiểm tra độ cứng	ca	-	-	0,0625	-	0,025
		Máy và thiết bị thí nghiệm khác	%	5	5	5	5	5
				01	02	03	04	05

DA.47000 THÍ NGHIỆM THẠCH CAO VÀ TẤM THẠCH CAO

Thành phần công việc:

- Nhận nhiệm vụ;
- Chuẩn bị mẫu, dụng cụ và thiết bị thí nghiệm trước khi tiến hành thí nghiệm;
- Tiến hành thí nghiệm theo quy trình;
- Tính toán, tổng hợp kết quả thí nghiệm;
- Thu dọn, lau chùi máy và thiết bị thí nghiệm;
- Kiểm tra, nghiệm thu và bàn giao kết quả thí nghiệm.

Đơn vị tính: 1 chỉ tiêu

Mã hiệu	Công tác thí nghiệm	Thành phần hao phí	Đơn vị	Hàm lượng mất khi nung	Hàm lượng CaO	Hàm lượng SO ₃
DA.470	Thí nghiệm thạch cao và tấm thạch cao	<i>Vật liệu</i>				
		Điện năng	kwh	12,48	-	3,94
		Mỡ	kg	0,1	-	-
		Axit Silicic (H ₂ SiO ₃)	kg	0,01	-	-
		Glyxerin (C ₃ H ₈ O ₃)	lít	-	0,02	-
		Cồn (C ₂ H ₅ OH)	lít	-	0,1	-
		Phenolphthalein	hộp	-	0,02	-
		Nước cất	lít	-	0,8	1,0
		Giấy lọc	hộp	-	-	0,3
		Amoni hydroxit (NH ₄ OH)	kg	-	-	0,01
		Clorua bari (BaCl ₂)	kg	-	-	0,01
		Vật liệu khác	%	5	5	5
		<i>Nhân công</i>				
		Công nhân 4,0/7	công	0,214	0,74	0,632
	<i>Máy và thiết bị thí nghiệm</i>					
	Lò nung	ca	0,788	-	0,263	
	Tủ sấy	ca	0,35	-	-	
	Cân phân tích	ca	0,044	0,068	0,035	
	Kẹp niken	ca	0,263	-	-	
	Máy hút ẩm	ca	-	-	0,306	
	Máy và thiết bị thí nghiệm khác	%	5	5	5	
				01	02	03

Tiếp theo

Mã hiệu	Công tác thí nghiệm	Thành phần hao phí	Đơn vị	Độ cứng gờ, cạnh, lõi	Độ bền uốn ngang tấm, dọc tấm	Độ kháng nhỏ đỉnh	Kích thước, độ sâu gờ vuốt thon, độ vuông góc
DA.470	Thí nghiệm thạch cao và tấm thạch cao	<i>Vật liệu</i>					
		Điện năng	kwh	25,0	25,0	25,0	-
		Vật liệu khác	%	5	5	5	-
		<i>Nhân công</i>					
		Nhân công 4,0/7	công	1,5	1,4	1,25	0,5
		<i>Máy và thiết bị thí nghiệm</i>					
		Tủ khí hậu	ca	1,5	1,5	1,5	-
		Máy thử cơ lý thạch cao	ca	0,5	0,5	0,5	-
		Máy và thiết bị thí nghiệm khác	%	5	5	5	-
				04	05	06	07

Tiếp theo

Mã hiệu	Công tác thí nghiệm	Thành phần hao phí	Đơn vị	Độ hút nước	Độ hấp thụ nước bề mặt	Độ biến dạng ẩm
DA.470	Thí nghiệm thạch cao và tấm thạch cao	<i>Vật liệu</i>				
		Điện năng	kwh	-	-	50,0
		Nước	lít	500,0	100,0	-
		Vật liệu khác	%	5	5	5
		<i>Nhân công</i>				
		Nhân công 4,0/7	công	1,0	1,0	6,5
		<i>Máy và thiết bị thí nghiệm</i>				
		Tủ khí hậu	ca	-	-	6,0
		Vi kế	ca	-	-	6,0
		Cân kỹ thuật	ca	0,5	0,5	-
		Máy và thiết bị thí nghiệm khác	%	5	5	5
				08	09	10

DA.48000 THÍ NGHIỆM PHÂN TÍCH THAN

Thành phần công việc:

- Nhận nhiệm vụ;
- Chuẩn bị mẫu, dụng cụ và thiết bị thí nghiệm trước khi tiến hành thí nghiệm;
- Tiến hành thí nghiệm theo quy trình;
- Tính toán, tổng hợp kết quả thí nghiệm;
- Thu dọn, lau chùi máy và thiết bị thí nghiệm;
- Kiểm tra, nghiệm thu và bàn giao kết quả thí nghiệm.

Đơn vị tính: 1 chỉ tiêu

Mã hiệu	Công tác thí nghiệm	Thành phần hao phí	Đơn vị	Độ ẩm của than	Hàm lượng tro	Hàm lượng chất bốc	Nhiệt lượng, nhiệt độ	Phân tích cỡ hạt	Tổng số Lưu huỳnh	
DA.480	Thí nghiệm phân tích than	<i>Vật liệu</i>								
		Điện năng	kwh	7,77	1,09	0,84	-	-	7,11	
		Mỡ	kg	0,1	-	-	-	-	-	
		Axit Silicic (H ₂ SiO ₃)	kg	0,01	-	-	-	-	-	
		Bột đá Granitô	kg	-	0,1	-	-	-	-	
		Glyxerin (C ₃ H ₈ O ₃)	lít	-	0,2	-	-	-	-	
		Dầu hoả	lít	-	0,01	-	-	-	-	
		Đá mài	viên	-	-	-	2,0	-	-	
		Đĩa từ	cái	-	-	-	1,0	-	-	
		Giấy ráp	tờ	-	-	-	4,0	-	-	
		Xi măng	kg	-	-	-	-	5,0	-	
		Nước cất	lít	-	-	-	-	-	1,0	
		Giấy lọc	hộp	-	-	-	-	-	0,3	
		Amoni hydroxit (NH ₄ OH)	kg	-	-	-	-	-	0,01	
		Bari clorua (BaCl ₂)	kg	-	-	-	-	-	0,01	
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5	5	5	
		<i>Nhân công</i>								
		Công nhân 4,0/7	công	0,368	0,766	0,698	1,4	0,966	0,999	
		<i>Máy và thiết bị thí nghiệm</i>								
		Cân phân tích	ca	0,063	-	-	-	-	0,06	
		Tủ sấy	ca	0,91	-	-	-	-	-	
		Máy hút ẩm	ca	0,125	-	-	-	-	0,478	
		Bếp điện	ca	-	0,375	-	-	-	0,15	
		Dụng cụ đo độ cháy của than	ca	-	0,125	-	-	-	-	
		Máy khuấy bằng từ	ca	-	-	0,35	0,7	-	-	
		Máy đo hệ số dẫn nhiệt	ca	-	-	0,35	0,7	-	-	
		Tủ lạnh	ca	-	-	0,35	-	-	-	
		Kính hiển vi	ca	-	-	-	-	0,9	-	
		Lò nung	ca	-	-	-	-	-	0,45	
		Máy và thiết bị thí nghiệm khác	%	2	2	2	2	2	2	
				01	02	03	04	05	06	

DA.49000 THÍ NGHIỆM ĐO HỆ SỐ DẪN NHIỆT, CÁCH ÂM CỦA VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Thành phần công việc:

- Nhận nhiệm vụ;
- Chuẩn bị mẫu, dụng cụ và thiết bị thí nghiệm trước khi tiến hành thí nghiệm;
- Tiến hành thí nghiệm theo quy trình;
- Tính toán, tổng hợp kết quả thí nghiệm;
- Thu dọn, lau chùi máy và thiết bị thí nghiệm;
- Kiểm tra, nghiệm thu và bàn giao kết quả thí nghiệm.

Đơn vị tính: 1 chỉ tiêu

Mã hiệu	Công tác thí nghiệm	Thành phần hao phí	Đơn vị	Hệ số dẫn nhiệt ở nhiệt độ không khí (đo mẫu chuẩn để chỉnh máy)	Hệ số dẫn nhiệt cho một mẫu con ở nhiệt độ không khí	Hệ số dẫn nhiệt ở nhiệt độ Cao (đo mẫu chuẩn để chỉnh máy)	Hệ số dẫn nhiệt cho một mẫu con ở nhiệt độ cao	Hệ số dẫn nhiệt vật liệu rời ở nhiệt độ không khí	Đo hệ số cách âm vật liệu
DA.490	Hệ số dẫn nhiệt của vật liệu xây dựng	<i>Vật liệu</i>							
		Điện năng	kwh	134,75	2,40	202,13	3,60	1,20	-
		Mút xốp dày 10cm	m2	-	-	-	-	-	2,0
		Vật liệu khác	%	5	5	5	5	5	5
		<i>Nhân công</i>							
		Công nhân 4,0/7	công	1,875	1,781	2,8125	2,672	0,844	2,25
		<i>Máy và thiết bị thí nghiệm</i>							
		Chén bạch kim	ca	0,188	-	0,281	-	-	-
		Máy khuấy cầm tay NAG-2	ca	0,625	-	0,938	-	-	-
		Máy đo hệ số dẫn nhiệt	ca	0,625	1,0	0,938	1,5	0,5	-
		Tủ lạnh	ca	0,625	1,0	0,938	1,5	0,5	-
		Tủ sấy	ca	16,25	-	24,375	-	-	-
		Máy khuấy bằng từ	ca	-	1,0	-	1,5	0,5	-
		Máy đo âm thanh	ca	-	-	-	-	-	0,25
		Máy và thiết bị thí nghiệm khác	%	5	5	5	5	5	5
				01	02	03	04	05	06

Ghi chú: Định mức của một mẫu thí nghiệm nói trên gồm định mức đo mẫu chuẩn và định mức đo mẫu con, trường hợp có nhiều mẫu con cùng đo một đợt thì định mức hao phí của đợt thí nghiệm gồm định mức đo một mẫu chuẩn cộng định mức đo các mẫu con.

DA.50000 THÍ NGHIỆM BENTONITE

Thành phần công việc:

- Nhận nhiệm vụ;
- Chuẩn bị mẫu, dụng cụ và thiết bị thí nghiệm trước khi tiến hành thí nghiệm;
- Tiến hành thí nghiệm theo quy trình;
- Tính toán, tổng hợp kết quả thí nghiệm;
- Thu dọn, lau chùi máy và thiết bị thí nghiệm;
- Kiểm tra, nghiệm thu và bàn giao kết quả thí nghiệm.

Đơn vị tính: 1 chỉ tiêu

Mã hiệu	Công tác thí nghiệm	Thành phần hao phí	Đơn vị	Thí nghiệm độ nhớt	Xác định khối lượng riêng	Xác định độ pH	Xác định hàm lượng cát
DA.500	Thí nghiệm bentonite	<i>Nhân công</i>					
		Công nhân 4,0/7	công	1,14	0,76	0,54	0,522
		<i>Máy và thiết bị thí nghiệm</i>					
		Cân kỹ thuật	ca	-	0,53	0,35	-
		Bộ dụng cụ xác định hàm lượng cát	ca	-	-	-	0,50
		Máy và thiết bị thí nghiệm khác	%	-	5	5	5
				01	02	03	04

DA.51000 THÍ NGHIỆM CƠ LÝ BÊ TÔNG NHẹ - GẠCH BÊ TÔNG KHÍ CHỪNG ÁP (AAC)

Thành phần công việc:

- Nhận nhiệm vụ;
- Chuẩn bị mẫu, dụng cụ và thiết bị thí nghiệm trước khi tiến hành thí nghiệm;
- Tiến hành thí nghiệm theo quy trình;
- Tính toán, tổng hợp kết quả thí nghiệm;
- Thu dọn, lau chùi máy và thiết bị thí nghiệm;
- Kiểm tra, nghiệm thu và bàn giao kết quả thí nghiệm.

Đơn vị tính: 1 chỉ tiêu

Mã hiệu	Công tác thí nghiệm	Thành phần hao phí	Đơn vị	Kiểm tra kích thước, độ thẳng cạnh và độ phẳng mặt	Xác định độ ẩm và khối lượng thể tích khô	Xác định cường độ nén	Xác định độ co khô
DA.510	Thí nghiệm cơ lý bê tông nhẹ - Gạch bê tông khí chưng áp (AAC)	<i>Vật liệu</i>					
		Điện năng	kwh	-	29,07	0,5	55,11
		Vật liệu khác	%	-	5	5	5
		<i>Nhân công</i>					
		Công nhân 4,0/7	công	0,77	0,44	0,67	0,88
		<i>Máy và thiết bị thí nghiệm</i>					
		Tủ sấy	ca	-	3,55	-	3,55
		Cân kỹ thuật	ca	-	0,031	-	0,031
		Máy kéo, nén thủy lực 50 tấn	ca	-	-	0,105	-
		Tủ khí hậu	ca	-	-	-	3,125
		Máy và thiết bị thí nghiệm khác	%	-	5	5	5
				01	02	03	04

DA.52000 THÍ NGHIỆM CƠ LÝ BÊ TÔNG NHẹ - GẠCH BÊ TÔNG NHẹ, KHÍ KHÔNG CHỪNG ÁP

Thành phần công việc:

- Nhận nhiệm vụ;
- Chuẩn bị mẫu, dụng cụ và thiết bị thí nghiệm trước khi tiến hành thí nghiệm;
- Tiến hành thí nghiệm theo quy trình;
- Tính toán, tổng hợp kết quả thí nghiệm;
- Thu dọn, lau chùi máy và thiết bị thí nghiệm;
- Kiểm tra, nghiệm thu và bàn giao kết quả thí nghiệm.

Đơn vị tính: 1 chỉ tiêu

Mã hiệu	Công tác thí nghiệm	Thành phần hao phí	Đơn vị	Xác định kích thước, độ vuông góc, độ thẳng cạnh, độ phẳng mặt và kiểm tra khuyết tật ngoại quan	Xác định độ ẩm và khối lượng thể tích khô	Xác định cường độ nén	Xác định độ co khô
DA.520	Thí nghiệm cơ lý bê tông nhẹ - gạch bê tông bọt, khí không chưng áp	<i>Vật liệu</i>					
		Điện năng	kwh	-	32,20	0,50	57,87
		Vật liệu khác	%	-	5	5	5
		<i>Nhân công</i>					
		Công nhân 4,0/7	công	0,85	0,48	0,67	0,92
		<i>Máy và thiết bị thí nghiệm</i>					
		Tủ sấy	ca	-	3,9	-	3,72
		Cân kỹ thuật	ca	-	0,034	-	0,031
		Máy kéo, nén thủy lực 50 tấn	ca	-	-	0,105	-
		Tủ khí hậu	ca	-	-	-	3,281
		Máy và thiết bị thí nghiệm khác	%	-	5	5	5
				01	02	03	04

Tiếp theo

Mã hiệu	Công tác thí nghiệm	Thành phần hao phí	Đơn vị	Xác định độ hút nước	Xác định hệ số dẫn nhiệt
DA.520	Thí nghiệm cơ lý bê tông nhẹ - gạch bê tông bọt, khí không chung áp	<i>Vật liệu</i>			
		Điện năng	kwh	21,45	18,26
		Vật liệu khác	%	5	5
		<i>Nhân công</i>			
		Công nhân 4,0/7	công	0,86	1,25
		<i>Máy và thiết bị thí nghiệm</i>			
		Tủ sấy	ca	2,615	2,127
		Cân kỹ thuật	ca	0,225	-
		Máy cắt, mài mẫu vật liệu	ca	-	0,125
		Máy đo hệ số dẫn nhiệt	ca	-	0,438
		Máy và thiết bị thí nghiệm khác	%	5,0	5,0
				05	06

DA.53000 THÍ NGHIỆM VỮA XI MĂNG KHÔ TRỘN SẴN KHÔNG CO

Thành phần công việc:

- Nhận nhiệm vụ;
- Chuẩn bị mẫu, dụng cụ và thiết bị thí nghiệm trước khi tiến hành thí nghiệm;
- Tiến hành thí nghiệm theo quy trình;
- Tính toán, tổng hợp kết quả thí nghiệm;
- Thu dọn, lau chùi máy và thiết bị thí nghiệm;
- Kiểm tra, nghiệm thu và bàn giao kết quả thí nghiệm.

Đơn vị tính: 1 chỉ tiêu

Mã hiệu	Công tác thí nghiệm	Thành phần hao phí	Đơn vị	Xác định độ chảy	Xác định độ tách nước	Xác định cường độ chịu nén của vữa	Xác định thay đổi chiều cao cột vữa trong quá trình đông kết
DA.530	Thí nghiệm vữa xi măng khô trộn sẵn không co	<i>Vật liệu</i>					
		Điện năng	kwh	-	-	0,41	2,0
		Vật liệu khác	%	-	-	5	5
		<i>Nhân công</i>					
		Công nhân 4,0/7	công	0,19	0,25	0,72	0,69
		<i>Máy và thiết bị thí nghiệm</i>					
		Máy trộn xi măng 5l	ca	0,063	0,031	0,063	0,031
		Nhớt kế Suttard	ca	0,063	-	-	-
		Cân kỹ thuật	ca	0,031	0,031	0,021	0,021
		Tủ sấy	ca	-	-	-	-
		Máy kéo, nén thủy lực 10 tấn	ca	-	-	0,085	-
		Thiết bị xác định thay đổi chiều cao cột vữa	ca	-	-	-	0,563
		Máy và thiết bị thí nghiệm khác	%	5	5	5	5
				01	02	03	04

Tiếp theo

Mã hiệu	Công tác thí nghiệm	Thành phần hao phí	Đơn vị	Xác định sự thay đổi chiều dài của mẫu vữa đóng rắn
DA.530	Thí nghiệm vữa xi măng khô trộn sẵn không co	<i>Nhân công</i>		
		Công nhân 4,0/7	công	7,54
		<i>Máy và thiết bị thí nghiệm</i>		
		Cân kỹ thuật	ca	0,021
		Dụng cụ xác định sự thay đổi chiều dài của mẫu vữa	ca	88,20
		Đồng hồ đo biến dạng	ca	88,20
		Máy và thiết bị thí nghiệm khác	%	5
				05